

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002646

Môn học: Quản trị học (226026) - Nhóm 02

Đợt thi: HK1, ĐỢT 2

Tổ: 001

Ngày thi: 11/01/2023

Giờ: 07:30

Phòng thi: A401

C. Tỉnh

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i> Bản Chánh	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i> Tổ. G. Mỹ Đình	G. Viên chấm <i>[Signature]</i> NT
---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
1	2122120103	CAO THỊ LAN ANH	23/09/2004	CCQ2212C		357	Ainh	6.1	2.6	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
2	2122120080	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	10/01/2004	CCQ2212C		357	Bao Chau	8.1	2.6	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
3	2122120098	PHẠM THỊ MỸ CHUNG	31/07/2004	CCQ2212C		485	chung	6.7	4	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
4	2122120100	PHẠM THANH DÂN	01/01/2003	CCQ2212C		132	D	8.2	5.2	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
5	2122120076	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	20/01/2004	CCQ2212C				0.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
6	2122120096	DƯƠNG THÚY HẰNG	21/10/2004	CCQ2212C		357	Hang	7.6	4.6	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
7	2122120097	PHẠM THỊ THANH HẰNG	07/10/2004	CCQ2212C		485	Thanh	5.0	5.2	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
8	2122120075	LÊ THỊ MINH HÒA	05/02/2004	CCQ2212C		132	H	6.1	4	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
9	2122120083	LÊ VĂN HÙNG	07/11/2000	CCQ2212C		209	John	8.4	4	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
10	2122120102	LÊ VĂN HÙNG	26/02/2001	CCQ2212C				6.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
11	2122120079	VÕ TUẤN HUY	24/02/2004	CCQ2212C		485	Huy	7.4	5.2	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
12	2122120101	TRẦN ĐOÀN TRÚC LY	06/12/2004	CCQ2212C		132	Truc Ly	7.4	5.2	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
13	2122120085	TRẦN LÂM KHÁNH LY	05/12/2004	CCQ2212C		209	Ly	7.1	2.8	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
14	2122120110	TRƯƠNG MỸ ÚT LY	28/06/2004	CCQ2212D		357	Ly	6.8	2.8	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
15	2122120094	PHẠM THỊ TRÀ MY	30/04/2004	CCQ2212C		485	My	7.7	5.2	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
16	2122120093	NGÔ MINH NGUYỄN	01/01/2004	CCQ2212C		132	My	7.7	4	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
17	2122120108	NGUYỄN BẢO HẠNH NHÂN	03/01/2002	CCQ2212D		132	hanh	8.4	4	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
18	2122120112	PHAN NGỌC THÀNH NHÂN	25/03/2004	CCQ2212D		485	hanh	7.4	4.6	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
19	2122120077	HOÀNG Ý NHI	26/10/2004	CCQ2212C		357	le	7.6	5.2	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
20	2122120073	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	10/10/2004	CCQ2212C		209	Nhi	7.1	2.6	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Quản trị học (226026) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A401**

Mã nhận dạng: 002646

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>
Số SV có mặt: 36	Số bài thi: 36	Số tờ giấy thi: 36

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm lẻ
21	2122120086	PHẠM QUỲNH NHƯ	13/09/2004	CCQ2212C		132	<i>[Signature]</i>	6.7	2.4	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
22	2122120087	PHAN THỊ MỸ	09/01/2004	CCQ2212C		485	<i>[Signature]</i>	7.3	4.8	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
23	2122120084	TRƯƠNG THỰC	19/05/2004	CCQ2212C		357	<i>[Signature]</i>	6.8	4.6	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
24	2122120072	TRẦN THỊ HỒNG	30/08/2004	CCQ2212C		209	<i>[Signature]</i>	7.4	4	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
25	2122120081	TRẦN THANH THANH	29/11/2004	CCQ2212C		209	<i>[Signature]</i>	8.1	4.6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
26	2122120106	HỒ THỊ THANH	17/02/2004	CCQ2212D		357	<i>[Signature]</i>	6.7	5.2	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
27	2122120092	DƯƠNG VĂN	08/08/2003	CCQ2212C		485	<i>[Signature]</i>	7.3	2.6	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
28	2122120107	NGUYỄN THÀNH	24/09/2002	CCQ2212D		132	<i>[Signature]</i>	7.3	4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
29	2122120082	BÌNH TỬ	06/02/2004	CCQ2212C		209	<i>[Signature]</i>	7.8	4	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
30	2122120089	TRƯƠNG BẢO	14/04/2004	CCQ2212C		357	<i>[Signature]</i>	6.7	5.2	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
31	2122120109	CAO NGỌC PHƯƠNG	23/08/2004	CCQ2212D		485	<i>[Signature]</i>	7.9	5.2	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
32	2122120111	DƯƠNG ĐẶNG	22/06/2004	CCQ2212D		132	<i>[Signature]</i>	7.4	4.6	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
33	2122120088	TỔNG THỊ NHƯ	27/02/2004	CCQ2212C		209	<i>[Signature]</i>	8.1	2	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
34	2122120105	NGUYỄN THỊ	17/12/2003	CCQ2212C		357	<i>[Signature]</i>	7.1	4.6	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
35	2122120090	NGUYỄN THỊ HỒNG	18/10/2004	CCQ2212C		485	<i>[Signature]</i>	6.7	5.2	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
36	2122120104	NGUYỄN TƯỜNG	14/09/2004	CCQ2212C		132	<i>[Signature]</i>	7.0	4.8	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
37	2122120095	NGUYỄN TRANG THẢO	04/02/2004	CCQ2212C		209	<i>[Signature]</i>	7.1	4.6	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
38	2122120091	VŨ NGỌC	15/10/2004	CCQ2212C		357	<i>[Signature]</i>	7.0	2.8	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Quản trị học (226026) - Nhóm 02

Đợt thi: HK1, ĐỢT 2
Ngày thi: 11/01/2023

Tổ: 002
Giờ: 07:30

Phòng thi: A404

C. Tỉnh

Mã nhận dạng: 002647

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Đức Thái</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Lệ</i>	G. Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Lệ</i>	G. Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Lệ</i>
--	--	--	--

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn ch
1	2122120483	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	02/02/2004	CCQ2212D		132	<i>Hoài</i>	7.2	2.4	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
2	2122120118	TRẦN ĐỨC QUỐC THANH BÌNH	20/12/2004	CCQ2212D		209	<i>Quốc</i>	7.0	2	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
3	2122120138	TRỊNH CÔNG CƯỜNG	29/04/2001	CCQ2212D		357	<i>Cường</i>	6.6	4.6	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
4	2122120484	NGUYỄN ĐỨC DUY	20/02/2004	CCQ2212D		485	<i>Duy</i>	6.7	1.8	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
5	2120270076	ĐÌNH PHI HẢI	16/03/2002	CCQ2027C		132	<i>Hải</i>	8.4	4.8	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
6	2122120127	ĐỖ MINH HẬU	20/09/2004	CCQ2212D		209	<i>Hậu</i>	6.7	2.4	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
7	2122120135	LÊ MINH HẬU	02/04/2004	CCQ2212D		357	<i>Hậu</i>	6.4	4	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
8	2122120136	TRƯƠNG THỊ NGỌC HIẾU	28/10/2004	CCQ2212D		209	<i>Hiếu</i>	6.1	2.8	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
9	2122270144	NGUYỄN HỮU HOÀNG	08/03/2003	CCQ2227C		357	<i>Hoàng</i>	5.8	4	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
10	2122120117	NGUYỄN QUỐC HUY	29/07/2004	CCQ2212D		485	<i>Huy</i>	6.5	2.6	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
11	2122120123	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	25/04/2004	CCQ2212D		357	<i>Huyền</i>	7.1	2	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
12	2122120121	HỒ THỊ DIỄM HƯƠNG	21/07/2004	CCQ2212D		209	<i>Hương</i>	7.0	2.4	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
13	2122130081	NGUYỄN NGỌC KHOA KHAI	09/03/2004	CCQ2212D		132	<i>Khai</i>	7.0	2.4	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
14	2120120459	NGUYỄN VĂN KHÁNH	14/05/2002	CCQ2012N		485	<i>Khánh</i>	8.4	4.8	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
15	2122120126	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	08/11/2004	CCQ2212D		485	<i>Lan</i>	7.1	4	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
16	2122120113	TRẦN THỊ MAI	05/08/2004	CCQ2212D				0.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
17	2122120120	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÂN	24/12/2003	CCQ2212D		132	<i>Ngân</i>	5.1	5.6	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
18	2122120119	PHẠM MINH NGUYỄN	10/07/2004	CCQ2212D		209	<i>Minh</i>	8.1	4	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
19	2120270124	LÊ THỊ MỸ NHUNG	26/01/2002	CCQ2027D		357	<i>Nhung</i>	8.1	4	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4
20	2122120139	TRẦN HOÀNG NHƯ	28/03/2004	CCQ2212D		485	<i>Như</i>	7.7	4.8	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002647

Cán bộ coi thi 1 <i>Thuy</i> Đoàn Thị Thủy Hằng	Cán bộ coi thi 2 <i>Thuy</i> Nguyễn Thị Thanh	G.Viên chấm thi 1 <i>Thuy</i> 5/5
--	--	---

Môn học: **Quản trị học (226026) - Nhóm 02**
Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2** Tổ: **002**
Ngày thi: **11/01/2023** Giờ: **07:30**
Phòng thi: **A404**

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 85

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. TH 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm v
21	2122120130	DƯƠNG THÁI PHONG	06/10/2004	CCQ2212D		132	<i>Thuy</i>	5.8	4.4	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
22	2122120482	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	03/06/2003	CCQ2212C		209	<i>Thuy</i>	7.1	2.8	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
23	2122120074	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	22/10/2004	CCQ2212C		357	<i>Thuy</i>	7.4	4	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
24	2120270127	TRƯƠNG NHỰT THÀNH	22/02/2002	CCQ2027D		485	<i>Thuy</i>	8.1	2.6	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
25	2122120132	CAO THỊ HỒNG THẨM	03/11/2004	CCQ2212D				0.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
26	2122120115	PHẠM QUỲNH THẨM	12/07/2004	CCQ2212D		132	<i>Thuy</i>	7.3	4	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
27	2122120481	VÕ THỊ KIM THUẬN	19/11/2003	CCQ2212C		357	<i>Thuy</i>	7.9	4.6	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
28	2122120128	LÊ THỊ THÚY	12/11/2003	CCQ2212D		209	<i>Thuy</i>	7.9	4	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
29	2122120129	NGUYỄN NGỌC THƯ	13/06/2004	CCQ2212D		357	<i>Thuy</i>	6.5	2.6	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
30	2122120116	PHẠM VÕ MINH THƯ	27/12/2004	CCQ2212D		485	<i>Thuy</i>	7.7	2.8	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
31	2122120133	LÊ THỊ THỦY TRANG	14/08/2003	CCQ2212D		132	<i>Thuy</i>	7.5	4.8	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
32	2119270066	NGUYỄN NGỌC TRÂM	20/01/2001	CCQ1927B		485	<i>Thuy</i>	6.5	4.8	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
33	2122120002	VÕ THỊ KIỀU TRINH	16/11/2003	CCQ2212D		209	<i>Thuy</i>	7.9	4	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
34	2122120122	NGUYỄN VÕ KHẢ TÚ	19/11/2004	CCQ2212D		357	<i>Thuy</i>	7.1	4.8	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
35	2122120131	ĐỖ THỊ THẢO VY	06/05/2004	CCQ2212D		485	<i>Thuy</i>	7.9	5.2	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
36	2122120134	LÊ PHAN ĐIỂM XUÂN	01/12/2003	CCQ2212D		132	<i>Thuy</i>	7.7	2.2	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2
37	2122120125	TRẦN HOÀNG NHƯ Ý	27/09/2004	CCQ2212D		209	<i>Thuy</i>	7.6	2.2	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Quản trị học (226026) - Nhóm 04

Đợt thi: HK1, ĐỢT 2

Tổ: 002

Ngày thi: 11/01/2023

Giờ: 07:30

Phòng thi: A502

C.Tính

Mã nhận dạng: 002649

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1 <i>Chau</i> Trần Văn Tuấn	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần</i> Nguyễn Văn Tuấn	G.Viên chấm thi 1 <i>Chau</i> Nguyễn Văn Tuấn
--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn
1	2122120247	NGUYỄN KIM CHI	05/12/2003	CCQ2212H		485	<i>Kim Chi</i>	8.3	4.4	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
2	2122120245	ĐÌNH THỊ HẢI	06/10/2003	CCQ2212H		357	<i>Hải</i>	7.6	4.2	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
3	2122120237	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	16/07/2004	CCQ2212G		209	<i>Thuy</i>	5.6	2.4	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
4	2122120243	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG	21/01/2002	CCQ2212H		139	<i>Phu</i>	8.2	4.8	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
5	2122120252	TRẦN MẠNH KHƯƠNG	20/03/1998	CCQ2212H		485	<i>Tran</i>	6.5	4.2	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
6	2122120248	TRẦN THỊ LÀI	16/03/2004	CCQ2212H		357	<i>Lai</i>	7.5	4.4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
7	2122120256	NGÔ THỊ ĐIỀU LAM	24/11/2004	CCQ2212H		209	<i>Lam</i>	7.5	2.4	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
8	2122120244	TRẦN THỊ THẢO LY	26/07/2004	CCQ2212H		132	<i>Ly</i>	7.0	4.6	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
9	2122120233	NGUYỄN THỊ MẠN	21/09/2004	CCQ2212G		132	<i>Man</i>	7.3	2.4	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
10	2122120251	LƯƠNG THẢO MI	02/04/2002	CCQ2212H		357	<i>Mi</i>	8.7	4.2	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
11	2122120255	ĐỖ THỊ BÍCH NGÂN	03/07/2004	CCQ2212H				0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
12	2122120254	NGUYỄN THỦY NGÂN	24/04/2004	CCQ2212H		132	<i>Nguyen</i>	6.4	4	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
13	2122120246	NGUYỄN THỊ Ý NHI	12/12/2004	CCQ2212H		485	<i>Nhi</i>	6.5	2.8	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
14	2122120232	HỒ THANH PHÚC	01/09/2003	CCQ2212G		357	<i>Phu</i>	7.1	4.4	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
15	2122120235	NGUYỄN PHẠM THIÊN PHƯỚC	28/01/2003	CCQ2212G		209	<i>Phu</i>	6.6	2	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
16	2122120241	ĐỖ THỊ QUYÊN	28/01/2004	CCQ2212H		132	<i>Quyen</i>	7.1	4.8	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
17	2122120249	NGÔ VĂN TÀI	17/12/2004	CCQ2212H		485	<i>Tai</i>	6.4	4.8	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
18	2122120262	CAO THỊ PHƯƠNG THẢO	26/03/2004	CCQ2212H		357	<i>Thao</i>	7.6	4.4	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
19	2122120240	HOÀNG THỊ THU THẢO	08/11/2004	CCQ2212H		209	<i>Thu</i>	7.6	2.8	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
20	2122120238	VÕ QUỐC THIÊN	13/11/2003	CCQ2212G				0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002649

Môn học: **Quản trị học (226026) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A502**

Số SV có mặt: **25**

Số bài thi: **25**

Số tờ giấy thi: **25**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>
--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2122120259	NGUYỄN THỊ ANH THỨ	05/09/2004	CCQ2212H		485	<i>Anh</i>	6.4	4	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122120253	NGUYỄN THỊ THANH TIÊN	23/10/2004	CCQ2212H		357	<i>Tiên</i>	6.6	4	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122120239	PHAN THỊ DIỄM TRẦN	07/04/2004	CCQ2212H		209	<i>Diễm</i>	7.6	4.4	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122120258	NGUYỄN THỊ KIM TRÚC	05/02/2004	CCQ2212H		132	<i>Kim</i>	7.2	2	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122120242	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	28/09/2004	CCQ2212H		428	<i>Tú</i>	7.0	4.6	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122120261	TRẦN THỊ MỸ UYÊN	24/05/2004	CCQ2212H		357	<i>Uyên</i>	7.6	2	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122120257	VÕ NGUYỄN CÁT VY	07/01/2004	CCQ2212H		209	<i>Vy</i>	7.3	2.2	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Quản trị học (226026) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **11/01/2023**

Phòng thi: **A506**

Tổ: **003**

Giờ: **07:30**

C. Tỉnh

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **22**

Số tờ giấy thi: **22**

Mã nhận dạng: **002650**

Cán bộ coi thi 1 <i>Am2</i> <i>Hùng Đức Bảo</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Mr. Hung</i> <i>Le T. Thanh Ha</i>	G. Viên chấm thi <i>Lee</i> <i>Nguyen</i>
---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm v
1	2122120269	HUỖNH THỊ KIM	CHI	01/11/2003	CCQ2212H		<i>485</i>	<i>2.3</i>	<i>4.6</i>	<i>3.7</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
2	2122120272	TRẦN THỊ NHẬT	DIỄM	17/11/2004	CCQ2212H		<i>132</i>	<i>6.6</i>	<i>4.8</i>	<i>5.5</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
3	2122260042	CHÂU HUỖNH	GIANG	02/02/2004	CCQ2226E		<i>209</i>	<i>7.2</i>	<i>2.6</i>	<i>4.4</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
4	2122120264	VÕ THỊ THU	GIANG	19/07/2004	CCQ2212H		<i>357</i>	<i>7.2</i>	<i>2.8</i>	<i>4.6</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
5	2122120267	NGUYỄN VĂN	GIÀU	01/01/2004	CCQ2212H		<i>485</i>	<i>7.0</i>	<i>4.6</i>	<i>5.6</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
6	2122120496	GIANG HỒNG	HÀ	16/11/2004	CCQ2212G		<i>132</i>	<i>7.0</i>	<i>4</i>	<i>5.2</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
7	2122120266	TRƯƠNG VĂN	HIẾU	27/03/2004	CCQ2212H		<i>209</i>	<i>2.3</i>	<i>2.6</i>	<i>2.5</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
8	2120200147	ĐẶNG ĐÌNH	KHOA	17/08/2002	CCQ2020E		<i>357</i>	<i>6.3</i>	<i>2.2</i>	<i>3.8</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
9	2122120205	HUỖNH MỸ	LIÊN	16/05/2004	CCQ2212G		<i>485</i>	<i>6.7</i>	<i>4.8</i>	<i>5.6</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
10	2122120498	LÊ HỒNG CẨM	LOAN	10/01/2002	CCQ2212H			<i>0.0</i>			<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
11	2122270164	NGUYỄN THÀNH	LONG	24/09/2004	CCQ2227E						<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
12	2122120271	ĐẶNG THỊ MY	NA	03/08/2003	CCQ2212H		<i>357</i>	<i>7.9</i>	<i>2.6</i>	<i>4.7</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
13	2122120268	PHAN HUỖNH	NHI	25/08/2002	CCQ2212H		<i>209</i>	<i>8.5</i>	<i>2.6</i>	<i>5.0</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
14	2122120263	HÀ THỊ TUYẾT	NHUNG	06/02/2004	CCQ2212H			<i>7.0</i>			<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
15	2120270198	TRẦN VŨ MINH	PHONG	01/08/2002	CCQ2027F		<i>357</i>	<i>5.0</i>	<i>4.6</i>	<i>4.8</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
16	2121130013	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	21/11/2003	CCQ2112R		<i>209</i>	<i>7.2</i>	<i>2.6</i>	<i>4.4</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
17	2122120490	ĐÌNH THỊ	THẢO	25/07/2003	CCQ2212E		<i>485</i>	<i>6.8</i>	<i>4.4</i>	<i>5.4</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
18	2120120377	HÀ TRUNG	TÍNH	30/05/2002	CCQ2012K		<i>132</i>	<i>6.3</i>	<i>4.6</i>	<i>5.3</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
19	2122260257	HỒ THỊ THU	TRANG	06/03/2004	CCQ2226E		<i>209</i>	<i>0.0</i>	<i>4</i>	<i>2.4</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>
20	2122120497	NGUYỄN THỊ THUỖ	TRANG	25/10/2004	CCQ2212G		<i>357</i>	<i>6.6</i>	<i>4</i>	<i>5.0</i>	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>(0) 1 2</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

LỊCH THI VÀ DANH SÁCH SINH VIÊN THI BỔ SUNG
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022 - 2023

Ngày thi: 11/01/2023, 07h30
Phòng: A506

Môn: Quản trị học
GVGD: Nguyễn Thị Mai Vinh

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ HP	NHÓM	Chữ ký sinh viên	Điểm QT	Điểm thi	Điểm HP
1	2122200193	Hoàng Thị Yến Thu	23,10,04	226026	11	<i>Thu</i>	7,5	4.8	5.9
2									
3									

Lưu ý:
- Sinh viên có mặt đúng thời gian thi.
- Sinh viên mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy gờ tùy thân có ảnh.

Số sinh viên có mặt:01.....
Số sinh viên vắng mặt:00.....

Số bài thi:01.....
Số tờ giấy thi:01.....

CB coi thi 1

Đức Bảo
Trần Đức Bảo

CB coi thi 2

Thị Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà

GV chấm bài 1

Nguyễn Tiến
Nguyễn Tiến

GV chấm bài 2

Nguyễn Thị Mai Vinh
Nguyễn Thị Mai Vinh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002650

Môn học: Quản trị học (226026) - Nhóm 04

Đợt thi: HK1, ĐỢT 2

Tổ: 003

Ngày thi: 11/01/2023

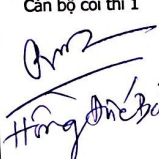
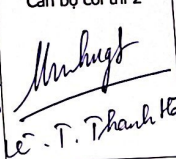
Giờ: 07:30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1
		
Hồng Đức Bảo	Lê T. Thanh Hà	K.T.M

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn
21	2122120499	NGUYỄN THỊ THUỖ TRANG	03/10/2004	CCQ2212H		485	Trang	7.6	5.6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
22	2120120677	LÊ THỊ HUYỀN TRẦN	15/09/2002	CCQ2012K		132	Huyền	6.3	4.4	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
23	2122120265	TRẦN THỊ THANH TRÚC	14/06/2004	CCQ2212H		209	Trúc	7.1	4	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
24	2122120442	PHẠM THỊ XUÂN TUYỀN	28/05/2004	CCQ2212H		358	Tuyen	8.0	1.6	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
25	2122120270	NGUYỄN LÊ TƯỜNG VÂN	15/09/2002	CCQ2212H		485	TuanVan	7.0	4.8	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3
26	2122260258	HUỖNH QUỐC VIỆT	02/01/2003	CCQ2226E				0.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3